

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS – ST
Ngày 20 - 8 - 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Minh Phú

2. Bà Lưu Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/TLST – DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963, (Có mặt).

Địa chỉ: Phường T, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ B, sinh năm 1975 và ông Lê Văn H, sinh năm 1970, (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Mỹ B, sinh năm 1975, (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Phường T, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Theo giấy ủy quyền ngày 01 tháng 7 năm 2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Do quan hệ quen biết bà có cho vợ chồng bà B, ông H vay tổng số tiền là

325.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào năm 2010 cụ thể: Ngày 22/3/2010 là 20.000.000 đồng; Ngày 01/5/2010 là 260.000.000 đồng; Ngày 04/5/2010 là 45.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không ghi lãi và thời hạn trả nợ nhưng trên thực tế hai bên có thỏa thuận lãi bằng với lãi suất ngân hàng Nhà nước tại thời điểm vay; Thời hạn trả nợ khi nào cần bà sẽ báo trước cho vợ chồng ông H, bà B; Mục đích vay là để kinh doanh, buôn bán. Từ khi vay đến nay vợ chồng bà B đã trả cho bà tiền lãi đến hết năm 2011, không trả cho bà số tiền gốc nào.

Do vợ chồng bà B, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà đã thông báo đòi tiền nhiều lần, lần bà thông báo gần đây nhất là vào ngày 08/4/2019 trong thời hạn 30 ngày phải trả nợ cho bà nhưng bà B, ông H không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà B, ông H trả tổng số tiền gốc là 325.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Việc bà cho bà B, ông H vay tiền bà khẳng định là tiền riêng của bà, không liên quan đến ông Nguyễn Văn M chồng bà.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà không đồng ý cho vợ chồng bà B, ông H khát nợ. Bà yêu cầu bà B, ông H phải trả ngay số tiền gốc còn nợ cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ B và ông Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án bà B, ông H trình bày: Ông bà thừa nhận vào năm 2010 vợ chồng ông bà có vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền gốc là 325.000.000 đồng, về lãi suất và thời hạn vay như bà L trình bày là đúng. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông bà mới trả cho bà L tiền lãi đến hết năm 2011, chưa trả được khoản tiền gốc nào. Nay bà L khởi kiện ông bà nhất trí trả nợ số tiền gốc là 325.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay kinh tế của gia đình ông bà rất khó khăn. Ông bà xin khát nợ đến khi nào có sẽ trả đủ toàn bộ số tiền còn nợ cho bà L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L và đề nghị giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả

tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ B và là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H. Tuy nhiên, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2010 bà Phạm Thị L có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H vay tổng số tiền gốc là 325.000.000đồng. Thời hạn vay đến khi nào cần bà L sẽ báo trước cho vợ chồng ông H, bà B. Vợ chồng bà B, ông H không trả nợ theo đúng thời hạn bà L đã thông báo nên ngày 22/5/2019 bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn bà Phạm Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H phát sinh từ năm 2010. Đến ngày 08/4/2019 bà L thông báo cho vợ chồng bà B trong thời hạn 30 ngày phải trả nợ nhưng vợ chồng bà B vi phạm thỏa thuận trả nợ, đến ngày 07/6/2019 bà L làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Vào các ngày 22/3/2010; Ngày 01/5/2010; Ngày 04/5/2010 do có mối quan hệ quen biết nên bà Phạm Thị L có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H vay tổng số tiền gốc là 325.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận tại ngân hàng; thời hạn vay khi nào bà L cần thì báo trước cho vợ chồng bà B; mục đích vay để buôn bán, kinh doanh. Từ khi vay vợ chồng bà B, ông H đã trả lãi cho bà L đến hết năm 2011, chưa trả được khoản tiền gốc nào. Tổng số tiền gốc vợ chồng bà B, ông H còn phải trả bà L là 325.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà B, ông H đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà L, nhưng do điều kiện khó khăn vợ chồng bà B xin khất nợ đến khi nào có sẽ trả đủ cho bà L. Do vợ chồng bà B, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B phải thanh toán tổng số tiền gốc là 325.000.000 đồng là có căn cứ. Việc bà B, ông H xin khất nợ đến khi nào có sẽ trả nhưng bà L không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà B, ông H.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận toàn bộ, quan điểm

của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên về giải quyết vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H phải chịu tương ứng với số tiền phải trả là $325.000.000 \text{đồng} \times 5\% = 16.250.000 \text{đồng}$. Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L tổng số tiền gốc là 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ B, ông Lê Văn H phải chịu 16.250.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.125.000 đồng (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004075 ngày 06/6/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại

Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Kim Nhung

Lưu MPhú

Nguyễn Thị Trang Nhung

